



むりょう! FREE! GRATUITO! 免费! Miễn phí!

しごとのための日本語

Japanese Language for Work

外国人就労・定着支援研修



Training Course for Promoting Stable Employment of Foreign Residents

Curso de Capacitação para Promover o Emprego Estável para Residentes Estrangeiros

外国人就业及稳定就业支援培训

Khóa đào tạo hỗ trợ tìm kiếm việc làm ổn định dành cho người nước ngoài

No.	かいじょう Place Lugar 会場 Địa điểm học	レベル Level Nível 等级 Trình độ	コースきかん、にちじ Course Period, Times Período do Curso, Horário 培训期间、课程表 Thời gian khóa học	もうしこみしめきり Application Deadline Prazo de Inscrição 申请最后期限 Hạn đăng ký	レベルチェックテスト Placement Test Teste de Avaliação 日语水平测试 Bài thi kiểm tra trình độ
16	おおいずみ OIZUMI 大泉町文化むら/ Oizumimachi Bunkamura (5-24-1 Asahi, Oizumi) MAP↑	2	2022/9/2 ~ 2022/11/9 か~きん Tue.~Fri. 3a~6a 周二~周五 Thứ 3 ~ Thứ 6 AM 9:00 ~ 12:00	8/24	8/25 9:00~
17	おおた OTA 浜町勤労会館/ Hamacho Kinro Kaikan (66-49 Hamacho, Ota) MAP↑	1	2022/9/2 ~ 2022/11/9 か~きん Tue.~Fri. 3a~6a 周二~周五 Thứ 3 ~ Thứ 6 PM 13:00 ~ 16:00	8/24	8/25 13:00~
21	いせさき ISESAKI 緋の郷/ Kasuri No Sato (1712-2 Showacho, Isesaki) MAP↑	3	2022/9/6 ~ 2022/11/10 げつ・か・もく・きん Mon.Tue.Thu.Fri. 2a・3a・5a・6a 周一・周二・周四・周五 Thứ 2・Thứ 3・Thứ 5・Thứ 6 AM 9:00 ~ 12:00	8/26	8/29 9:00~
12	ほんじょう HONJO 本庄公民館/ Honjo Kominkan (5-2-33 Higashidai, Honjo) MAP↑	2	2022/9/13 ~ 2022/11/15 げつ・か・もく・きん Mon.Tue.Thu.Fri. 2a・3a・5a・6a 周一・周二・周四・周五 Thứ 2・Thứ 3・Thứ 5・Thứ 6 AM 9:00~12:00	9/2	9/5 9:00~
35	ほんじょう HONJO 本庄公民館/ Honjo Kominkan (5-2-33 Higashidai, Honjo) MAP↑	1	2022/9/22 ~ 2022/12/22 げつ~もく Mon.~Thu. 2a~5a 周一~周四 Thứ 2 ~ Thứ 5 18:30 ~ 20:30	9/9	9/13 18:30~

注意：もうしこみがおおいコースは はやく うけつけをおわることがあります。

・ In the event we receive many applications, we may terminate the application process early.

・ Caso hajam muitas inscrições, o período de inscrição poderá ser encerrado antes da data prevista.

・ 申請人数多时，可能暂停受理申请。・ Việc tiếp nhận đăng ký có thể sẽ kết thúc trong trường hợp số người đăng ký quá đông.

★コロナウィルス（COVID-19）のため、コースきかんがかわったり、コースをちゅうしすることがあります。レベルチェックテストはかならずうけてください。テストのけっかでけんしゅうをうけることができないことがあります。レベルチェックテストにはえんぴつとけしごむをもってきてください。

・ The course schedules are subject to change or cancellation without prior notice to prevent the spread of COVID-19. All participants are required to take the placement test to determine Japanese level. Please note that if the test results indicate that none of the course levels would be appropriate for your level, you may be asked to participate in upcoming courses instead. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.

・ Os períodos dos cursos podem ser alterados, inclusive cancelados, sem aviso prévio para prevenir a propagação do COVID-19.

É requisito básico prestar os exames escritos e oral para poder participar. De acordo com o resultado dos exames, existe a possibilidade de não poder participar do curso. Por favor, traga lápis e borracha para o teste.

・ 为了防止新型冠状病毒感染的扩大，课程日期可能会被更改或取消，恕不另行通知。为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。如果考试结果与培训课程的水平不相符时，有可能会请您参加下一次以后的培训。日语水平测试时请带上书写工具。

・ Do ảnh hưởng của virus corona (COVID-19), thời gian của khóa học có thể thay đổi cũng như khóa học có thể bị hủy bỏ.

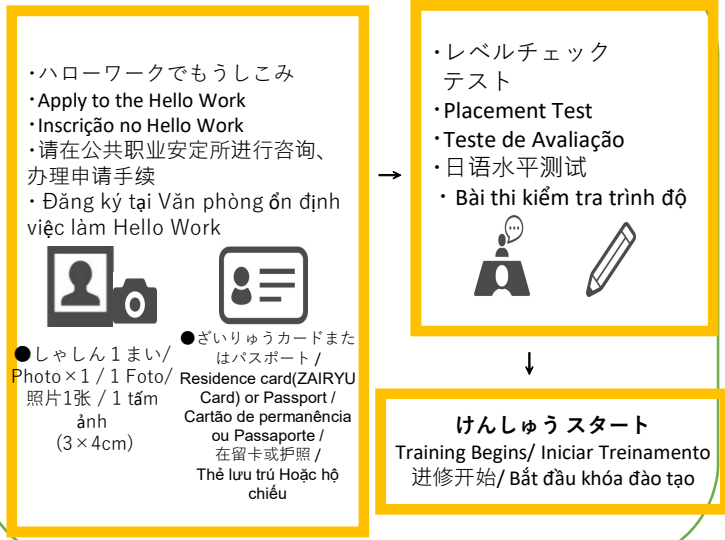
Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ.

Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.

ざいりゅうしかく / Status of residence / Tipo de visa / 居留資格 / Tư cách lưu trú

- ・えいじゅうしゃ/にほんじんのはいぐうしゃなど / えいじゅうしゃのはいぐうしゃなど/ ていじゅうしゃ
- ・Permanent resident, Spouse or child of Japanese national, Spouse or child of permanent resident, and Long term resident
- ・Residente permanente (“Eijusha”), Cônjugue ou filho de japonês (“Nihonjin no haigusha”), Cônjugue ou filho do titular do visto permanente (“Eijusha no haigusha”) e Residente por longo período (“Teijusha”).
- ・永住者, 日本人の配偶等, 永住者の配偶等, 定住者
- ・Người cư trú vĩnh viễn, vợ/chồng của người Nhật, v.v..., vợ/chồng của người cư trú vĩnh viễn, v.v..., người đăng ký thường trú.

もうしこみ / To apply / Inscrição / 報名方法 / Cách đăng ký



◆ 新型コロナウイルスがひろがらないようにするためのおねがい ◆

1. ねつをはかる
2. てをあらって、うがいをする
3. マスクをする
4. せきとくしゃみにきをつける
5. ソーシャルディスタンスをとる

といあわせ / Contact Info / Contato / 联系方式 / Liên hệ

JICE 現地連絡調整員 Local Coordinator 现场联络调整员
Coordinador(a) Local ※電話にでられない時はおりかえし連絡します。

【おもな学習内容 / Course Content / Conteúdo da aprendizagem / 主要学习内容 / Nội dung học tập chính】

このコースでは、安定就労に向けて、「はたらく」場面で用いる日本語や日本の職場習慣、雇用慣行などを学習します。/ This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in work situations, in addition to business customs and employment practices. / Neste curso, aprenderá as frases japonesas usadas em situações relacionadas com o “trabalho”, costumes relativos ao local de trabalho no Japão e prática de emprego, etc. / 本课程将学习在“工作”场景中使用的日语、日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。/ Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống “Làm việc”, tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

<p>レベル1 Level1 Nível1 等级1 Trình độ1</p>	<p>はじめてにほんごをべんきょうするひと、にほんごがすこしはなせるが、ひらがな・カタカナのよみかきがにがてなひとのコースです。</p> <p>This class is for people who are studying Japanese for the first time, who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well.</p> <p>Este curso é para quem está começando a aprender japonês ou já fala um pouco o idioma, mas ainda não domina leitura e escrita em hiragana e katakana.</p> <p>本课程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。</p> <p>Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.</p>
<p>レベル2 Level2 Nível2 等级2 Trình độ2</p>	<p>ひらがな・カタカナの読み書きができ、日本語を少し勉強したことがある人のコースです。生活の中で日本語での簡単なやり取りが少しできる人のコースです。</p> <p>This class is for people who can read and write Hiragana and Katakana and have studied a little Japanese before. It is also for people who can communicate somewhat in simple Japanese in daily life.</p> <p>Este curso é para quem já estudou um pouco o idioma japonês, sabendo ler e escrever em hiragana e katakana.</p> <p>É o curso para quem já consegue se comunicar um pouco em japonês no dia a dia.</p> <p>本课程适合会平假名/片假名读写，学过少量日语的学员。以及在生活中会用日语少量简单交流的学员。</p> <p>Đây là khóa học dành cho người đã có thể đọc viết Hiragana và Katakana, đã từng học một chút tiếng Nhật. Khóa học này dành cho người có thể trao đổi đơn giản được một chút bằng tiếng Nhật trong cuộc sống hàng ngày.</p>
<p>レベル3 Level3 Nível3 等级3 Trình độ3</p>	<p>ひらがな・カタカナや簡単な漢字の読み書きができ、生活の中である程度会話ができる人のコースです。状況や相手に合わせた職場での話し方をさらに伸ばしましょう。</p> <p>This class is for people who can read and write Hiragana, Katakana and simple Kanji characters and can carry on conversations in Japanese fairly well in daily life. It is recommended for people who wish to improve their skills in speaking appropriately at work in accordance with the situation or the person being spoken to.</p> <p>Este curso é ideal para quem já sabe ler e escrever hiragana, katakana e kanjis básicos, apesar de conseguir se comunicar em japonês no cotidiano, este curso é para pessoas que queiram aprimorar o idioma de forma correta de comunicar adequadamente no local de trabalho, e conforme as circunstâncias.</p> <p>本课程适合会平假名/片假名及简单汉字的读写，在生活中能进行一定程度日语对话的学员。符合不同场景及交谈对象的职场会话在本项课程学习中会更加进步。</p> <p>Đây là khóa học dành cho người có thể đọc viết Hiragana, Katakana và một vài Hán tự đơn giản, có thể giao tiếp ở một mức độ nhất định trong cuộc sống hàng ngày. Hãy phát triển hơn nữa cách giao tiếp tại nơi làm việc sao cho phù hợp phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp.</p>

No.	なまえ Name/ Nome/ 姓名/ Tên	でんわばんごう TEL/ Telefone/ 电话号码/ Số điện thoại	ことば Language/ Idioma/ 语言/ Ngôn ngữ
16,17 OIZUMI 21 OTA 12 ISESAKI	 国吉 文子 AYAKO KUNIYOSHI	080-4336-2699	にほんご・ポルトガルご・スペインご Japanese, Portuguese, Spanish
35 HONJO	 我那覇 マルティン MARTÍN GANAHA	080-4902-0742	にほんご・ポルトガルご・スペインご Japanese, Portuguese, Spanish

JICE Tabunka en